

Số: 33/NQ-HĐND

Thới An Đông, ngày 04 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG THỚI AN ĐÔNG
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ liệu quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 của thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Xét Tờ trình số 15/TTr-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 của phường Thới An Đông, như sau:

A. Phân bổ dự toán thu

Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn phường Thới An Đông là 9.763 triệu đồng, được phân bổ như sau:

Đơn vị: triệu đồng

1. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025:	9.763
Bao gồm:	
- Thu thuế - phí, lệ phí:	8.997
- Thu khác ngân sách:	766
2. Tổng thu ngân sách cấp phường năm 2025:	122.523
Bao gồm:	
- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp:	6.314
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	103.754
- Thu kết dư:	2.649
- Thu chuyển nguồn năm trước mang sang:	9.806

(Kèm theo Phụ lục I và Phụ lục II)

B. Phân bổ dự toán chi

Tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 là 109.244 triệu đồng, được phân bổ như sau:

Đơn vị: triệu đồng

1. Chi cân đối ngân sách năm 2025 theo lĩnh vực:	109.244
- Chi đầu tư phát triển:	-
- Chi thường xuyên:	107.102
Trong đó:	
+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	77.568
- Dự phòng ngân sách:	2.142
2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên	-

(Kèm theo Phụ lục III, IV, V, VI)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông khóa XII, kỳ họp thứ ba thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND thành phố Cần Thơ;
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ;
- Kho bạc nhà nước khu vực XIX;
- Thuế cơ sở 3 thành phố Cần Thơ;
- TT Đảng ủy, HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các Phòng, Ban, ngành phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Hoàng Thủy Trinh





Phụ lục I

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025 SAU SÁP NHẬP

(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán trước sáp nhập	Trong đó:				Dự toán thành phố giao sau sáp nhập	Dự toán HĐND giao sau sáp nhập
			Phường Trà An	Phường Trà Nóc	Phường Thới An Đông	NS quận trước sáp xếp		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I=2+3+4+5</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
A	NGÂN SÁCH PHƯỜNG							
I	Nguồn thu ngân sách	121.699	12.473	15.026	14.894	79.306	121.699	122.523
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	5.490	1.539	2.522	1.429		5.490	6.314
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	103.754	7.440	7.194	10.001	79.119	103.754	103.754
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	102.455	7.311	7.065	9.851	78.228	103.754	103.754
-	Thu bổ sung có mục tiêu	-	-	-	-		-	-
-	Thu từ 10% tiết kiệm chi thường xuyên	1.299	129	129	150	891		
3	Thu kết dư	2.649	633	1.005	1.011		2.649	2.649
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	9.806	2.861	4.305	2.453	187	9.806	9.806
II	Chi ngân sách	109.244	8.979	9.716	11.430	79.119	109.244	109.244
1	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	109.244	8.979	9.716	11.430	79.119	109.244	109.244
	Chi đầu tư phát triển	-					-	-
	Chi thường xuyên	107.102	8.803	9.525	11.206	77.568	107.102	107.102
	Dự phòng ngân sách	2.142	176	191	224	1.551	2.142	2.142
2	Chi các chương trình mục tiêu						-	-
3	Chi nộp ngân sách cấp trên							



Phụ lục II
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG PHƯỜNG
THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	CHỈ TIÊU	Dự toán thành phố giao trước sáp nhập				Dự toán HĐND phường giao trước sáp nhập				Dự toán thành phố giao sau sáp nhập	Dự toán HĐND phường giao sau sáp nhập
		Tổng cộng	Phường Trà An	Phường Trà Nóc	Phường Thới An Đông	Tổng cộng	Phường Trà An	Phường Trà Nóc	Phường Thới An Đông		
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9	10
*	TỔNG CỘNG (A + B)	8.482	1.985	4.570	1.927	12.947	4.295	5.765	2.887	8.482	9.763
A	THU NỘI ĐỊA (I+II+III+IV)	8.482	1.985	4.570	1.927	12.947	4.295	5.765	2.887	8.482	9.763
I	Thu thuế - phí, lệ phí	8.262	1.950	4.475	1.837	12.727	4.260	5.670	2.797	8.262	9.520
1	Thu từ các DNNN do Trung ương quản lý	-				-				-	-
2	Thu từ các DNNN do địa phương quản lý	-				-				-	-
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	-				-				-	-
4	Thuế khu vực CTN, dịch vụ ngoài QĐ	4.460	1.050	2.530	880	8.925	3.360	3.725	1.840	4.460	5.129
	- Thuế giá trị gia tăng	4.395	1.030	2.490	875	4.395	1.030	2.490	875	4.395	5.054
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	65	20	40	5	65	20	40	5	65	75
a	Doanh nghiệp	-				-				-	-
b	Hộ cá thể	4.460	1.050	2.530	880	4.460	1.050	2.530	880	4.460	5.129
	- Thuế giá trị gia tăng	4.395	1.030	2.490	875	4.395	1.030	2.490	875	4.395	5.054
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	65	20	40	5	65	20	40	5	65	75
5	Thu tiền sử dụng đất	-				-				-	-

Số TT	CHỈ TIÊU	Dự toán thành phố giao trước sáp nhập				Dự toán HĐND phường giao trước sáp nhập				Dự toán thành phố giao sau sáp nhập	Dự toán HĐND phường giao sau sáp nhập
		Tổng cộng	Phường Trà An	Phường Trà Nóc	Phường Thới An Đông	Tổng cộng	Phường Trà An	Phường Trà Nóc	Phường Thới An Đông		
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9	10
6	Thu tiền thuê đất	-				-				-	-
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	942	240	345	357	942	240	345	357	942	1.102
8	Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	-				-				-	-
9	Thuế thu nhập cá nhân	2.405	550	1.360	495	2.405	550	1.360	495	2.405	2.766
10	Lệ phí trước bạ	-				-				-	-
11	Phí - lệ phí	455	110	240	105	455	110	240	105	455	523
a	Phí trung ương	-				-				-	-
b	Phí địa phương	455	110	240	105	455	110	240	105	455	523
12	Thuế bảo vệ môi trường	-				-				-	-
II	Thu khác ngân sách	220	35	95	90	220	35	95	90	220	243
	- Thu khác NS trung ương	70	15	35	20	70	15	35	20	70	70
	- Thu khác NS địa phương	150	20	60	70	150	20	60	70	150	173
III	Thu Xổ số kiến thiết	-				-				-	-
IV	Thu Cổ tức, lợi nhuận	-				-				-	-
B	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU										



Phụ lục III

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025 SAU SẮP NHẬP**

(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán trước sắp nhập	Trong đó:				Dự toán sau sắp nhập
			Phường Trà An	Phường Trà Nóc	Phường Thới An Đông	NS quận trước sắp xếp	
A	B	$I=2+3+4+5$	2	3	4	5	6
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	109.244	8.979	9.716	11.430	79.119	109.244
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	109.244	8.979	9.716	11.430	79.119	109.244
I	Chi đầu tư phát triển	-					-
II	Chi thường xuyên	107.102	8.803	9.525	11.206	77.568	107.102
	Trong đó:	-					-
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	77.730	54	54	54	77.568	77.568
2	Chi khoa học và công nghệ	-					-
III	Dự phòng ngân sách	2.142	176	191	224	1.551	2.142
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương						
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU						
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia						
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ						
1	Chi đầu tư						
2	Chi thường xuyên						
	- Vốn ngoài nước						
	- Vốn trong nước						
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU						



Phụ lục IV
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 SAU SÁP NHẬP
(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán trước sáp nhập	Trong đó:				Dự toán sau sáp nhập
			Phường Trà An	Phường Trà Nóc	Phường Thới An Đông	NS quận trước sáp xếp	
A	B	I=2+3+4+5	2	3	4	5	6
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	109.244	8.979	9.716	11.430	79.119	109.244
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC	109.244	8.979	9.716	11.430	79.119	109.244
I	Chi đầu tư phát triển	-					-
II	Chi thường xuyên	107.102	8.803	9.525	11.206	77.568	107.102
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	77.730	54	54	54	77.568	77.568
	- Chi sự nghiệp giáo dục	77.730	54	54	54	77.568	77.568
	- Chi đào tạo	-					-
2	Chi khoa học và công nghệ	-					-
3	Chi quốc phòng	3.833	1.237	1.246	1.350		3.833
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	3.445	837	1.090	1.518		3.445
5	Chi y tế, dân số và gia đình	-					-
6	Chi văn hóa thông tin	391	127	157	107		391
7	Chi phát thanh	65	35	15	15		65
8	Chi thể dục thể thao	60	20	20	20		60
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	21.119	6.356	6.803	7.960		21.281
	- Quản lý nhà nước	10.447	3.009	3.585	3.853		10.609
	- Đảng	5.164	1.690	1.560	1.914		5.164
	- Đoàn thể, các tổ chức kinh tế XH	5.508	1.657	1.658	2.193		5.508
10	Chi bảo đảm xã hội	459	137	140	182		459
11	Chi thường xuyên khác	-					-
III	Dự phòng ngân sách	2.142	176	191	224	1.551	2.142
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương						
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN						-
I	Chi đầu tư:						
II	Chi sự nghiệp						-
1	Vốn ngoài nước						
2	Vốn trong nước						



Phụ lục V

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025 SAU SÁP NHẬP

(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1 = 2+...+6+9	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	109.244	-	107.102	2.142	-	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	107.102	-	107.102	-	-	-	-	-	-
1	Văn phòng Đảng ủy	5.164		5.164						
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường	5.508		5.508						
3	Văn phòng HĐND và UBND	18.862		18.862						
4	Trường Mầm non Hoa Hồng	3.153		3.153						
5	Trường Mầm non Thới An Đông	4.014		4.014						
6	Trường Mầm non Trà An	4.436		4.436						
7	Trường Tiểu học Trà An	8.439		8.439						
8	Trường Tiểu học Trà Nóc 2	8.349		8.349						
9	Trường Tiểu học Trà Nóc 4	6.440		6.440						
10	Trường Tiểu học Thới An Đông 1	7.911		7.911						
11	Trường Tiểu học Thới An Đông 2	4.790		4.790						
12	Trường Trung học cơ sở Trà An	19.393		19.393						
13	Trường Trung học cơ sở Thới An Đông	9.752		9.752						
14	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát sinh đột xuất	891		891						
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	2.142			2.142					
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-								
IV	CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	-								
V	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	-								
VI	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-								



Phụ lục VI

**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
SAU SÁP NHẬP**

(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Tổng số	Chi Giáo dục và Đào tạo	Chi Quốc phòng	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	Chi văn hóa Thông tin	Chi Phát thanh	Chi Thể dục Thể thao	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo xã hội
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG	107.102	77.568	3.833	3.445	391	65	60	21.281	459
1	Văn phòng Đảng ủy phường	5.164							5.164	
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường	5.508							5.508	
3	Văn phòng HĐND và UBND phường	18.862		3.833	3.445	391	65	60	10.609	459
4	Trường Mầm non Hoa Hồng	3.153	3.153							
5	Trường Mầm non Thới An Đông	4.014	4.014							
6	Trường Mầm non Trà An	4.436	4.436							
7	Trường Tiểu học Trà An	8.439	8.439							
8	Trường Tiểu học Trà Nóc 2	8.349	8.349							
9	Trường Tiểu học Trà Nóc 4	6.440	6.440							
10	Trường Tiểu học Thới An Đông 1	7.911	7.911							
11	Trường Tiểu học Thới An Đông 2	4.790	4.790							
12	Trường Trung học cơ sở Trà An	19.393	19.393							
13	Trường Trung học cơ sở Thới An Đông	9.752	9.752							
14	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát sinh đột xuất	891	891							